

THÔNG BÁO

Bảng quy đổi điểm Học bạ năm 2025

Căn cứ dữ liệu kết quả học tập trung học phổ thông (gọi là Học bạ) và kết quả Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) năm 2025 của tất cả thí sinh đăng ký xét tuyển vào đại học chính quy, Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) thông báo Bảng quy đổi điểm tương đương giữa điểm Học bạ với điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo phân vị đối với từng môn (Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tin học, Công nghệ công nghiệp, Công nghệ nông nghiệp, Giáo dục Kinh tế pháp luật và Giáo dục công dân) tại Phụ lục đính kèm. Bảng quy đổi này được sử dụng trong tuyển sinh đại học chính quy năm 2025 của Trường Đại học Cần Thơ.

Hướng dẫn quy đổi: Áp dụng công thức nội suy tuyến tính và Bảng quy đổi điểm theo môn để quy đổi điểm Học bạ tương đương với điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025, như sau:

$$y = c + \left(\frac{x-a}{b-a} \right) \times (d - c) \quad (\text{làm tròn đến 2 số lẻ thập phân})$$

Trong đó:

x là điểm Học bạ của thí sinh được tính theo công thức (Phương thức 3):

$$x = \frac{\text{ĐTBMCN}_{L10} + \text{ĐTBMCN}_{L11} + \text{ĐTBMCN}_{L12}}{3}$$

a, b là hai điểm mốc xác định khoảng điểm Học bạ ($a < x \leq b$);

y là điểm quy đổi tương đương điểm tốt nghiệp THPT;

c, d là hai điểm mốc xác định khoảng điểm tốt nghiệp THPT tương ứng ($c < y \leq d$).

Ví dụ: học sinh có điểm Học bạ môn Ngữ văn là **8,25** điểm, quy đổi như sau:

- Căn cứ Bảng quy đổi điểm môn Ngữ văn, điểm Học bạ của học sinh $x=8,25$ trong khoảng $8,10 < x \leq 8,37$, thuộc thứ hạng 30% nên $a = 8,10$; $b = 8,37$; $c = 8,00$ và $d = 8,25$. Áp dụng công thức nội suy tuyến tính, điểm Học bạ sau khi quy đổi sang điểm thi tốt nghiệp THPT được tính như sau:

$$y = 8,00 + \left(\frac{8,25 - 8,10}{8,37 - 8,10} \right) \times (8,25 - 8,00) = 8,14$$

- Điều này có nghĩa là học sinh đạt **8,25** điểm Học bạ môn Ngữ văn tương đương **8,14** điểm môn Ngữ văn Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025.
- Ngoài ra, thí sinh có thể tham khảo công cụ quy đổi điểm trực tuyến tại link <https://kqts.ctu.edu.vn/qdhh> để quy đổi điểm.

Mọi thắc mắc xin liên hệ Phòng Đào tạo – Trường Đại học Cần Thơ (Khu II, đường 3/2, P. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, điện thoại 0292.3872728, Email: tuyensinh@ctu.edu.vn).

Nơi nhận:

- Vụ GDDH (để b/c);
- Thông báo trên website;
- Lưu: VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Trung Tính

PHỤ LỤC:

BẢNG QUY ĐỔI ĐIỂM HỌC BẠ VÀ ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số 2939 /TB-ĐHCT-ĐT ngày 13 tháng 8 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

1. Bảng quy đổi điểm môn Toán

Thứ hạng (%)	Khoảng	Toán	
		HỌC BẠ ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
3%	Khoảng 1	$9,60 < x \leq 10,00$	$8,00 < y \leq 10,00$
5%	Khoảng 2	$9,47 < x \leq 9,60$	$7,50 < y \leq 8,00$
10%	Khoảng 3	$9,20 < x \leq 9,47$	$7,00 < y \leq 7,50$
20%	Khoảng 4	$8,83 < x \leq 9,20$	$6,25 < y \leq 7,00$
30%	Khoảng 5	$8,47 < x \leq 8,83$	$5,75 < y \leq 6,25$
40%	Khoảng 6	$8,13 < x \leq 8,47$	$5,25 < y \leq 5,75$
50%	Khoảng 7	$7,77 < x \leq 8,13$	$5,00 < y \leq 5,25$
60%	Khoảng 8	$7,40 < x \leq 7,77$	$4,60 < y \leq 5,00$
70%	Khoảng 9	$7,03 < x \leq 7,40$	$4,25 < y \leq 4,60$
80%	Khoảng 10	$6,57 < x \leq 7,03$	$3,85 < y \leq 4,25$
90%	Khoảng 11	$6,00 < x \leq 6,57$	$3,25 < y \leq 3,85$
>90%	Khoảng 12	$3,43 < x \leq 6,00$	$1,05 < y \leq 3,25$
Trường hợp $x \leq 3,43$ thì $a = 0$; $b = 3,43$; $c = 0$; $d = 1,05$			

2. Bảng quy đổi điểm môn Vật lí

Thứ hạng (%)	Khoảng	Vật lí	
		HỌC BẠ ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
3%	Khoảng 1	$9,70 < x \leq 10,00$	$9,50 < y \leq 10,00$
5%	Khoảng 2	$9,60 < x \leq 9,70$	$9,25 < y \leq 9,50$
10%	Khoảng 3	$9,40 < x \leq 9,60$	$8,75 < y \leq 9,25$
20%	Khoảng 4	$9,13 < x \leq 9,40$	$8,25 < y \leq 8,75$
30%	Khoảng 5	$8,87 < x \leq 9,13$	$7,75 < y \leq 8,25$
40%	Khoảng 6	$8,63 < x \leq 8,87$	$7,50 < y \leq 7,75$
50%	Khoảng 7	$8,37 < x \leq 8,63$	$7,10 < y \leq 7,50$
60%	Khoảng 8	$8,10 < x \leq 8,37$	$6,75 < y \leq 7,10$
70%	Khoảng 9	$7,77 < x \leq 8,10$	$6,35 < y \leq 6,75$
80%	Khoảng 10	$7,37 < x \leq 7,77$	$5,85 < y \leq 6,35$
90%	Khoảng 11	$6,83 < x \leq 7,37$	$5,25 < y \leq 5,85$
>90%	Khoảng 12	$2,00 < x \leq 6,83$	$1,85 < y \leq 5,25$
Trường hợp $x \leq 2,00$ thì $a = 0$; $b = 2,00$; $c = 0$; $d = 1,85$			

3. Bảng quy đổi điểm môn Hóa học

Thứ hạng (%)	Khoảng	Hóa học	
		HỌC BẠ ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
3%	Khoảng 1	$9,70 < x \leq 10,00$	$9,00 < y \leq 10,00$
5%	Khoảng 2	$9,60 < x \leq 9,70$	$8,75 < y \leq 9,00$
10%	Khoảng 3	$9,43 < x \leq 9,60$	$8,50 < y \leq 8,75$
20%	Khoảng 4	$9,17 < x \leq 9,43$	$7,75 < y \leq 8,50$
30%	Khoảng 5	$8,93 < x \leq 9,17$	$7,00 < y \leq 7,75$
40%	Khoảng 6	$8,70 < x \leq 8,93$	$6,50 < y \leq 7,00$
50%	Khoảng 7	$8,43 < x \leq 8,70$	$6,00 < y \leq 6,50$
60%	Khoảng 8	$8,17 < x \leq 8,43$	$5,50 < y \leq 6,00$
70%	Khoảng 9	$7,83 < x \leq 8,17$	$5,10 < y \leq 5,50$
80%	Khoảng 10	$7,47 < x \leq 7,83$	$4,60 < y \leq 5,10$
90%	Khoảng 11	$6,93 < x \leq 7,47$	$4,00 < y \leq 4,60$
>90%	Khoảng 12	$2,43 < x \leq 6,93$	$1,25 < y \leq 4,00$
Trường hợp $x \leq 2,43$ thì $a = 0$; $b = 2,43$; $c = 0$; $d = 1,25$			

4. Bảng quy đổi điểm môn Sinh học

Thứ hạng (%)	Khoảng	Sinh học	
		HỌC BẠ ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
3%	Khoảng 1	$9,67 < x \leq 10,00$	$8,50 < y \leq 10,00$
5%	Khoảng 2	$9,60 < x \leq 9,67$	$8,25 < y \leq 8,50$
10%	Khoảng 3	$9,43 < x \leq 9,60$	$7,75 < y \leq 8,25$
20%	Khoảng 4	$9,20 < x \leq 9,43$	$7,25 < y \leq 7,75$
30%	Khoảng 5	$9,00 < x \leq 9,20$	$6,75 < y \leq 7,25$
40%	Khoảng 6	$8,77 < x \leq 9,00$	$6,50 < y \leq 6,75$
50%	Khoảng 7	$8,54 < x \leq 8,77$	$6,10 < y \leq 6,50$
60%	Khoảng 8	$8,33 < x \leq 8,54$	$5,75 < y \leq 6,10$
70%	Khoảng 9	$8,07 < x \leq 8,33$	$5,35 < y \leq 5,75$
80%	Khoảng 10	$7,73 < x \leq 8,07$	$4,95 < y \leq 5,35$
90%	Khoảng 11	$7,23 < x \leq 7,73$	$4,35 < y \leq 4,95$
>90%	Khoảng 12	$2,47 < x \leq 7,23$	$1,85 < y \leq 4,35$
Trường hợp $x \leq 2,47$ thì $a = 0$; $b = 2,47$; $c = 0$; $d = 1,85$			

5. Bảng quy đổi điểm môn Lịch sử

Thứ hạng (%)	Khoảng	Lịch sử	
		HỌC BẠ ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
3%	Khoảng 1	$9,53 < x \leq 10,00$	$9,50 < y \leq 10,00$
5%	Khoảng 2	$9,43 < x \leq 9,53$	$9,25 < y \leq 9,50$
10%	Khoảng 3	$9,23 < x \leq 9,43$	$9,00 < y \leq 9,25$
20%	Khoảng 4	$8,93 < x \leq 9,23$	$8,50 < y \leq 9,00$
30%	Khoảng 5	$8,70 < x \leq 8,93$	$8,25 < y \leq 8,50$
40%	Khoảng 6	$8,50 < x \leq 8,70$	$7,85 < y \leq 8,25$
50%	Khoảng 7	$8,23 < x \leq 8,50$	$7,50 < y \leq 7,85$
60%	Khoảng 8	$8,00 < x \leq 8,23$	$7,10 < y \leq 7,50$
70%	Khoảng 9	$7,73 < x \leq 8,00$	$6,75 < y \leq 7,10$
80%	Khoảng 10	$7,40 < x \leq 7,73$	$6,10 < y \leq 6,75$
90%	Khoảng 11	$6,97 < x \leq 7,40$	$5,35 < y \leq 6,10$
>90%	Khoảng 12	$5,10 < x \leq 6,97$	$2,00 < y \leq 5,35$
Trường hợp $x \leq 5,10$ thì $a = 0$; $b = 5,10$; $c = 0$; $d = 2,00$			

6. Bảng quy đổi điểm môn Địa lí

Thứ hạng (%)	Khoảng	Địa lí	
		HỌC BẠ ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
3%	Khoảng 1	$9,50 < x \leq 10,00$	$y = c = d = 10,00$
5%	Khoảng 2	$9,37 < x \leq 9,50$	$9,75 < y \leq 10,00$
10%	Khoảng 3	$9,13 < x \leq 9,37$	$9,50 < y \leq 9,75$
20%	Khoảng 4	$8,83 < x \leq 9,13$	$9,00 < y \leq 9,50$
30%	Khoảng 5	$8,57 < x \leq 8,83$	$8,50 < y \leq 9,00$
40%	Khoảng 6	$8,30 < x \leq 8,57$	$8,25 < y \leq 8,50$
50%	Khoảng 7	$8,07 < x \leq 8,30$	$7,75 < y \leq 8,25$
60%	Khoảng 8	$7,80 < x \leq 8,07$	$7,25 < y \leq 7,75$
70%	Khoảng 9	$7,50 < x \leq 7,80$	$6,75 < y \leq 7,25$
80%	Khoảng 10	$7,17 < x \leq 7,50$	$6,25 < y \leq 6,75$
90%	Khoảng 11	$6,73 < x \leq 7,17$	$5,50 < y \leq 6,25$
>90%	Khoảng 12	$2,37 < x \leq 6,73$	$1,85 < y \leq 5,50$
Trường hợp $x \leq 2,37$ thì $a = 0$; $b = 2,37$; $c = 0$; $d = 1,85$			

7. Bảng quy đổi điểm môn Tiếng Anh

Thứ hạng (%)	Khoảng	Tiếng Anh	
		HỌC BẠ ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
3%	Khoảng 1	$9,57 < x \leq 9,97$	$7,75 < y \leq 10,00$
5%	Khoảng 2	$9,47 < x \leq 9,57$	$7,50 < y \leq 7,75$
10%	Khoảng 3	$9,27 < x \leq 9,47$	$6,75 < y \leq 7,50$
20%	Khoảng 4	$8,97 < x \leq 9,27$	$6,25 < y \leq 6,75$
30%	Khoảng 5	$8,70 < x \leq 8,97$	$5,75 < y \leq 6,25$
40%	Khoảng 6	$8,47 < x \leq 8,70$	$5,50 < y \leq 5,75$
50%	Khoảng 7	$8,20 < x \leq 8,47$	$5,00 < y \leq 5,50$
60%	Khoảng 8	$7,90 < x \leq 8,20$	$4,75 < y \leq 5,00$
70%	Khoảng 9	$7,57 < x \leq 7,90$	$4,50 < y \leq 4,75$
80%	Khoảng 10	$7,17 < x \leq 7,57$	$4,00 < y \leq 4,50$
90%	Khoảng 11	$6,63 < x \leq 7,17$	$3,50 < y \leq 4,00$
>90%	Khoảng 12	$1,93 < x \leq 6,63$	$1,25 < y \leq 3,50$
Trường hợp $x \leq 1,93$ thì $a = 0$; $b = 1,93$; $c = 0$; $d = 1,25$			

8. Bảng quy đổi điểm môn Ngữ văn

Thứ hạng (%)	Khoảng	Ngữ văn	
		HỌC BẠ ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
3%	Khoảng 1	$9,03 < x \leq 9,93$	$9,00 < y \leq 9,75$
5%	Khoảng 2	$8,90 < x \leq 9,03$	$8,75 < y \leq 9,00$
10%	Khoảng 3	$8,67 < x \leq 8,90$	$8,50 < y \leq 8,75$
20%	Khoảng 4	$8,37 < x \leq 8,67$	$8,25 < y \leq 8,50$
30%	Khoảng 5	$8,10 < x \leq 8,37$	$8,00 < y \leq 8,25$
40%	Khoảng 6	$7,90 < x \leq 8,10$	$7,75 < y \leq 8,00$
50%	Khoảng 7	$7,67 < x \leq 7,90$	$7,50 < y \leq 7,75$
60%	Khoảng 8	$7,43 < x \leq 7,67$	$7,25 < y \leq 7,50$
70%	Khoảng 9	$7,17 < x \leq 7,43$	$7,00 < y \leq 7,25$
80%	Khoảng 10	$6,87 < x \leq 7,17$	$6,50 < y \leq 7,00$
90%	Khoảng 11	$6,43 < x \leq 6,87$	$6,00 < y \leq 6,50$
>90%	Khoảng 12	$3,80 < x \leq 6,43$	$2,25 < y \leq 6,00$
Trường hợp $x \leq 3,80$ thì $a = 0$; $b = 3,80$; $c = 0$; $d = 2,25$			

9. Bảng quy đổi điểm môn Tiếng Pháp

Thứ hạng (%)	Khoảng	Tiếng Pháp	
		HỌC BẠ ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
3%	Khoảng 1	$9,64 < x \leq 9,77$	$9,84 < y \leq 10,00$
5%	Khoảng 2	$9,58 < x \leq 9,64$	$9,72 < y \leq 9,84$
10%	Khoảng 3	$9,28 < x \leq 9,58$	$9,50 < y \leq 9,72$
20%	Khoảng 4	$8,47 < x \leq 9,28$	$9,40 < y \leq 9,50$
30%	Khoảng 5	$8,26 < x \leq 8,47$	$8,25 < y \leq 9,40$
40%	Khoảng 6	$7,95 < x \leq 8,26$	$7,55 < y \leq 8,25$
50%	Khoảng 7	$7,70 < x \leq 7,95$	$6,75 < y \leq 7,55$
60%	Khoảng 8	$7,56 < x \leq 7,70$	$6,45 < y \leq 6,75$
70%	Khoảng 9	$7,02 < x \leq 7,56$	$5,90 < y \leq 6,45$
80%	Khoảng 10	$6,91 < x \leq 7,02$	$5,75 < y \leq 5,90$
90%	Khoảng 11	$6,81 < x \leq 6,91$	$5,10 < y \leq 5,75$
>90%	Khoảng 12	$6,67 < x \leq 6,81$	$4,25 < y \leq 5,10$
Trường hợp $x \leq 6,67$ thì $a = 0$; $b = 6,67$; $c = 0$; $d = 4,25$			

10. Bảng quy đổi điểm môn Tin học

Thứ hạng (%)	Khoảng	Tin học	
		HỌC BẠ ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
3%	Khoảng 1	$9,67 < x \leq 10,00$	$9,61 < y \leq 10,00$
5%	Khoảng 2	$9,57 < x \leq 9,67$	$9,25 < y \leq 9,61$
10%	Khoảng 3	$9,40 < x \leq 9,57$	$9,00 < y \leq 9,25$
20%	Khoảng 4	$9,10 < x \leq 9,40$	$8,25 < y \leq 9,00$
30%	Khoảng 5	$8,90 < x \leq 9,10$	$8,00 < y \leq 8,25$
40%	Khoảng 6	$8,67 < x \leq 8,90$	$7,75 < y \leq 8,00$
50%	Khoảng 7	$8,50 < x \leq 8,67$	$7,25 < y \leq 7,75$
60%	Khoảng 8	$8,27 < x \leq 8,50$	$7,00 < y \leq 7,25$
70%	Khoảng 9	$7,97 < x \leq 8,27$	$6,60 < y \leq 7,00$
80%	Khoảng 10	$7,70 < x \leq 7,97$	$6,10 < y \leq 6,60$
90%	Khoảng 11	$7,21 < x \leq 7,70$	$5,35 < y \leq 6,10$
>90%	Khoảng 12	$3,03 < x \leq 7,21$	$2,75 < y \leq 5,35$
Trường hợp $x \leq 3,03$ thì $a = 0$; $b = 3,03$; $c = 0$; $d = 2,75$			

11. Bảng quy đổi điểm môn Công nghệ công nghiệp

Thứ hạng (%)	Khoảng	Công nghệ công nghiệp	
		HỌC BẠ ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
3%	Khoảng 1	$9,27 < x \leq 10,00$	$y = c = d = 10,00$
5%	Khoảng 2	$9,13 < x \leq 9,27$	$9,50 < y \leq 10,00$
10%	Khoảng 3	$9,05 < x \leq 9,13$	$8,95 < y \leq 9,50$
20%	Khoảng 4	$8,67 < x \leq 9,05$	$8,25 < y \leq 8,95$
30%	Khoảng 5	$8,43 < x \leq 8,67$	$7,91 < y \leq 8,25$
40%	Khoảng 6	$8,33 < x \leq 8,43$	$7,10 < y \leq 7,91$
50%	Khoảng 7	$8,17 < x \leq 8,33$	$6,50 < y \leq 7,10$
60%	Khoảng 8	$7,98 < x \leq 8,17$	$6,25 < y \leq 6,50$
70%	Khoảng 9	$7,66 < x \leq 7,98$	$6,10 < y \leq 6,25$
80%	Khoảng 10	$7,43 < x \leq 7,66$	$5,50 < y \leq 6,10$
90%	Khoảng 11	$6,67 < x \leq 7,43$	$4,63 < y \leq 5,50$
>90%	Khoảng 12	$3,20 < x \leq 6,67$	$3,60 < y \leq 4,63$
Trường hợp $x \leq 3,20$ thì $a = 0$; $b = 3,20$; $c = 0$; $d = 3,60$			

12. Bảng quy đổi điểm môn Công nghệ nông nghiệp

Thứ hạng (%)	Khoảng	Công nghệ nông nghiệp	
		HỌC BẠ ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
3%	Khoảng 1	$9,50 < x \leq 10,00$	$y = c = d = 10,00$
5%	Khoảng 2	$9,33 < x \leq 9,50$	$9,50 < y \leq 10,00$
10%	Khoảng 3	$9,17 < x \leq 9,33$	$9,25 < y \leq 9,50$
20%	Khoảng 4	$8,80 < x \leq 9,17$	$9,00 < y \leq 9,25$
30%	Khoảng 5	$8,57 < x \leq 8,80$	$8,75 < y \leq 9,00$
40%	Khoảng 6	$8,33 < x \leq 8,57$	$8,50 < y \leq 8,75$
50%	Khoảng 7	$8,17 < x \leq 8,33$	$8,25 < y \leq 8,50$
60%	Khoảng 8	$7,90 < x \leq 8,17$	$8,00 < y \leq 8,25$
70%	Khoảng 9	$7,60 < x \leq 7,90$	$7,75 < y \leq 8,00$
80%	Khoảng 10	$7,25 < x \leq 7,60$	$7,25 < y \leq 7,75$
90%	Khoảng 11	$6,76 < x \leq 7,25$	$6,75 < y \leq 7,25$
>90%	Khoảng 12	$2,03 < x \leq 6,76$	$3,25 < y \leq 6,75$
Trường hợp $x \leq 2,03$ thì $a = 0$; $b = 2,03$; $c = 0$; $d = 3,25$			

13. Bảng quy đổi điểm môn Giáo dục công dân

Thứ hạng (%)	Khoảng	Giáo dục công dân	
		HỌC BẠ ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
3%	Khoảng 1	$9,69 < x \leq 9,93$	$y = c = d = 10,00$
5%	Khoảng 2	$9,58 < x \leq 9,69$	$y = c = d = 10,00$
10%	Khoảng 3	$9,34 < x \leq 9,58$	$y = c = d = 10,00$
20%	Khoảng 4	$9,07 < x \leq 9,34$	$9,75 < y \leq 10,00$
30%	Khoảng 5	$8,86 < x \leq 9,07$	$9,50 < y \leq 9,75$
40%	Khoảng 6	$8,68 < x \leq 8,86$	$9,25 < y \leq 9,50$
50%	Khoảng 7	$8,52 < x \leq 8,68$	$9,00 < y \leq 9,25$
60%	Khoảng 8	$8,00 < x \leq 8,52$	$8,75 < y \leq 9,00$
70%	Khoảng 9	$7,83 < x \leq 8,00$	$8,50 < y \leq 8,75$
80%	Khoảng 10	$7,71 < x \leq 7,83$	$8,25 < y \leq 8,50$
90%	Khoảng 11	$7,39 < x \leq 7,71$	$7,50 < y \leq 8,25$
>90%	Khoảng 12	$6,43 < x \leq 7,39$	$5,75 < y \leq 7,50$
Trường hợp $x \leq 6,43$ thì $a = 0$; $b = 6,43$; $c = 0$; $d = 5,75$			

14. Bảng quy đổi điểm môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật

Thứ hạng (%)	Khoảng	Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
		HỌC BẠ ($a < x \leq b$)	THPT ($c < y \leq d$)
3%	Khoảng 1	$9,53 < x \leq 10,00$	$9,75 < y \leq 10,00$
5%	Khoảng 2	$9,40 < x \leq 9,53$	$9,50 < y \leq 9,75$
10%	Khoảng 3	$9,20 < x \leq 9,40$	$9,25 < y \leq 9,50$
20%	Khoảng 4	$8,90 < x \leq 9,20$	$9,00 < y \leq 9,25$
30%	Khoảng 5	$8,67 < x \leq 8,90$	$8,75 < y \leq 9,00$
40%	Khoảng 6	$8,47 < x \leq 8,67$	$8,50 < y \leq 8,75$
50%	Khoảng 7	$8,23 < x \leq 8,47$	$8,25 < y \leq 8,50$
60%	Khoảng 8	$8,03 < x \leq 8,23$	$8,00 < y \leq 8,25$
70%	Khoảng 9	$7,80 < x \leq 8,03$	$7,75 < y \leq 8,00$
80%	Khoảng 10	$7,50 < x \leq 7,80$	$7,25 < y \leq 7,75$
90%	Khoảng 11	$7,10 < x \leq 7,50$	$6,75 < y \leq 7,25$
>90%	Khoảng 12	$2,23 < x \leq 7,10$	$3,60 < y \leq 6,75$
Trường hợp $x \leq 2,23$ thì $a = 0$; $b = 2,23$; $c = 0$; $d = 3,60$			